ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HÒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN



CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM NHẬP MÔN

Giảng viên: Nguyễn Tuấn Nam

Vũ Tuấn Hải

BÁO CÁO ĐỒ ÁN

ĐỀ TÀI: WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN ĐỒ CÔNG NGHỆ

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

Họ và tên	 MSSV
Ngô Bá Trọng Nghĩa	 20521653
Đồng Phúc Nhẫn	 20521694
Phạm Phước Tỷ	 20522136
Nguyễn Thanh Bình	 20521118

Ho Chi Minh City, 2022

MŲC LŲC

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1 Khảo Sát Hiện Trạng	4
1.1 Định Vị Người Dùng	4
1.2.2 Khảo sát nghiệp vụ	4
1.2.3 Danh sách yêu cầu nghiệp vụ	6
1.2.4 Danh sách các biểu mẫu và yêu cầu	6
1.2.5 Danh sách yêu cầu bảo mật	8
CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH USECASE	8
2.1. Danh sách các Actor	8
2.2. So đồ usecase	9
2.3 Danh sách các Use case	9
2.4 Đặc tả Use case	10
CHƯƠNG 3. MÔ HÌNH TUẦN TỰ	14
3.1 Sign in	14
3.2 Sign up	14
3.3 Search item	15
3.4 View bill	15
3.5 Make purchase	16
3.6 Add item	16
3.7 Delete item	17
3.8 Update item	17
CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ DỮ LIÊU	18

4.1 Sơ đồ logic	18
4.2. Mô tả chi tiết các thành phần trong sơ đồ logic	18
4.2.1 Bång Customer	19
4.2.2 Bång Employee	19
4.2.3 Bång Order	20
4.2.4 Bång Order_detail	20
4.2.5 Bång Product	20
4.2.6 Bång Account	21
CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ GIAO DIỆN	21
5.1 Danh sách màn hình	21
5.2 Giao diện các màn hình	22
5.2.1 Tổng quan	22
5.2.2 Trang chủ.	23
5.2.3 Màn hình đăng nhập	24
5.2.4 Màn hình đăng kí	25
5.2.5 Màn hình quên mật khẩu	27
5.2.5 Thông tin sản phẩm	30
5.2.6 Quản lý đơn hàng	32
CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN	33
6.1 Môi trường phát triển và môi trường triển khai	
6.2 Kết quả đạt được	33

Computer store Website

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1 Khảo Sát Hiện Trạng

Với kĩ thuật hiện đại đang ngày được phát triển với tốc độ cao cùng với kiến thức về công nghệ liên tục được cập nhật mà phần lớn là bộ phận giới trẻ. Cùng với đó là sự ra đời của các thế hệ thiết bị công nghệ tiên tiến như Máy Tính, Vi Xử Lí, Điện Thoại, Laptop..... đã thúc đẩy các cá nhân có cơ hội được trao dồi và đẩy mạnh phát triển. Vì vậy, nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng về công nghệ đang được gia tăng, ở các cá nhân có nhu cầu làm việc mà còn ở các doanh nghiệp, cửa hàng,..... Ngoài ra, sau khi Covid-19 bùng phát, chuỗi cung ứng toàn câu bị đứt gãy dẫn đến việc các khan hiếm chip nhớ, với số lượng chip nhớ không đủ đáp ứng nhu cầu của người dùng, các sản phẩm luôn ở trạng thái hết hàng về số lượng, giá cả, nhãn hàng..... khiến cho việc quản lí và phân phối các thiết bị gặp nhiều bất cập. Dự án này sẽ tạo cho các cửa hàng có cho mình một nơi để quản lí, phân phối, cùng với những tính năng cần thiết sẽ giải quyết một phần những vấn đề trên. Không những giúp tối ưu cho việc các doanh nghiệp mà còn là nơi để các khách hàng có thể đề dàng tiếp cận các sản phẩm một cách nhanh, thuận lợi và dễ dàng trong việc đáp ứng nhu cầu của mọi người.

1.2 Định Vị Người Dùng

1.2.1 Khảo Sát Tổ Chức

Website quản lí bán hàng online bao gồm hai bộ phận chính: Quản lí bán hàng và thông tin sản phẩm.

1.2.2 Khảo Sát Nghiệp Vụ

Cửa hàng kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực cộng nghệ, phần lớn là Apple, MSI, Gigabyte, Asus. Doanh thu phần lớn dựa vào hoạt động mua sắm các phẩm có giá trị cao như Case PC, Laptop, Màn Hình và nhu cầu ráp PC lớn từ các doanh nghiệp.

1.2.2.1 Quy trình xem, tìm kiếm danh sách sản phẩm

-B1: Khách hàng sẽ được truy cập vào trang chủ.

-B2: Khách hàng trực tiếp truy cập vào các sản phẩm thông qua thông tin sản phẩm, hoặc có thể tìm kiếm sản phẩm một cách cụ thể thông qua thanh "Tìm Kiếm".

1.2.2.2 Quy trình đăng kí

- B1: Người dùng truy cập trang đăng ký.
- B2: Người dùng nhập lần lượt các thông tin yêu cầu.
- B3: Người dùng nhấn đăng ký, nếu thao tác thành công thì người dùng được chuyển đến trang đăng nhập.

1.2.2.3 Quy trình đăng nhập

- B1: Người dùng truy cập trang đăng nhập
- B2: Người dùng nhập lần lượt các trường thông tin
- B3: Người dùng nhấn đăng ký, nếu thao tác thành công thì người dùng được chuyển đến trang đăng nhập.

1.2.2.4 Quản lí khách hàng

Cửa hàng sẽ tự lưu lại thông tin khách hàng, và các đơn hàng đã mua, giá trị đơn hàng. Từ đó, có thể dễ dàng đưa ra các chính sách và chương trình khuyến mãi.

1.2.2.5 Quy trình quản lí sản phẩm

Cửa hàng sẽ cần quản lý danh sách sản phẩm bao gồm:

- Thông tin cơ bản: tên sản phẩm, ảnh sản phẩm, mô tả và giá bán, giá khuyến mãi.
- Các thông tin khác: Năm sản xuất, thế hệ, thương hiệu, thời gian bảo hàng. Để tạo mới hoặc sửa một sản phẩm, người dùng cần điền tất cả các thông tin cơ bản vào form được tạo sẵn.

Thông tin cập nhật thường xuyên như số lượng sẽ được tự động cập nhật lần đầu là 10. Giá bán sẽ trùng với giá gốc của sản phẩm của thương hiệu.

1.2.2.6. Quy trình quản lý đơn hàng của khách hàng

- B1: Khách hàng truy cập vào website bằng tài khoản của mình
- B2: Khách hàng truy cập Quản lý đơn hàng B3: Khách hàng có thể xem thông tin những đơn hàng đã thực hiện.

1.2.3. Danh sách yêu cầu nghiệp vụ

STT	Tên yêu cầu	Biểu mẫu	Quy định	Ghi chú
1	Danh sách sản phẩm	BM1		
2	Danh sách đơn hàng	BM2	QD1	
3	Tra cứu thông tin sản phẩm	BM3		
4	Lập phiếu bán hàng	BM4	QD2	

1.2.4. Danh sách các biểu mẫu và yêu cầu

1.2.4.1. Yêu cầu lập danh sách sản phẩm

Biểu mẫu 1:

Sản Phẩm		
Tên Sản Phẩm: Ảnh sản phẩm:		
Loại sản phẩm:	Giá bán:	
Mô tả:		

1.2.4.2. Yêu cầu danh sách đơn hàng

Biểu mẫu 2:

Danh sách đơn hàng				
Tên khách hàng:	Thành tiền:			
Tên nhân viên:	Sản phẩm:	Ghi chú:		

Quy định 1:

QD2: Thành tiền khác 0 và năm đặt hàng không khác năm hiện tại.

1.2.4.3. Yêu cầu tra cứu thông tin sản phẩm

Biểu mẫu 3:

	Danh sách sản phẩm					
STT	Tên sản phẩm	Mô tả	Loại	Giá bán	Ånh sản phẩm	Ghi chú

1.2.4.4. Yêu cầu lập phiếu bán hàng

Biểu mẫu 4:

Phiếu bán hàng				
Tên khách hàng		Ngày lập phiếu:		
Tên nhân viên		Số tiền:		
Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
Ghi chú				

Quy định 2:

QD3: Số lượng sản phẩm phải lớn hơn 0

1.2.5. Danh sách yêu cầu bảo mật

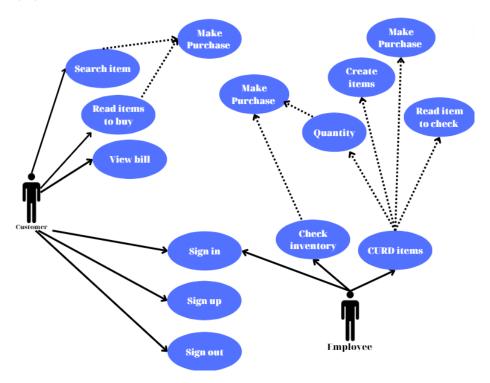
STT	Yêu cầu	Admin	Employee	Guest
1	Danh sách sản phẩm		X (CRUD)	X
2	Danh sách đơn hàng		X (CRUD)	X
3	Tra cứu thông tin sản phẩm		X	X
4	Lập phiếu bán hàng		X	
5	Phân quyền (riêng)	X		

CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH USECASE

2.1. Danh sách các Actor

STT	Tên actor	Ý nghĩa, ghi chú	
1	Customer	Xem, tìm kiếm sản phẩm, mua hàng và xem đơn hàng	
2	Employee	Thêm, xóa, sửa, kiểm tra sản phẩm	
3	Admin	Toàn quyền truy cập	

2.2. Sơ đồ usecase:



2.3 Danh sách các Use case

STT	Tên use case	Ý nghĩa, ghi chú	
1	Sign in	Đăng nhập tài khoản vào hệ thống	
2	Sign up	Đăng ký tài khoản trên hệ thống	
3	Sign out	Đăng xuất tài khoản khỏi hệ thống	
4	Search item	Tìm kiếm sản phẩm	
5	Read item	Xem thông tin sản phẩm	
6	View bill	Xem thông tin các hóa đơn	
7	Make purchase	Mua hàng	
8	CRUD items	Xem, thêm, xóa, sửa sản phẩm	
9	Check inventory	Kiểm tra hàng tồn kho	

2.4. Đặc tả Use case

2.4.1. Use case Sign in:

Use case Sign in				
Mô tả	Người dùng đăng nhập vào tài khoản			
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng admins	strator		
	Hành vi tác nhân	Hành vi hệ thống		
	1. Người dùng nhấn đăng	2. Hiển thị form đăng		
	nhập.	nhập.		
	3. Nhập mail hoặc tên	4. Kiểm tra tên người		
Luồng chính	người dùng vào form.	dùng và mật khẩu.		
8		5. Thông báo đăng		
		nhập thành công.		
		6. Chuyển sang giao		
		diện trang chủ.		
Luồng thay thế	Người dùng nhập sai tài khoản/mật khẩu			
Điều kiện trước	Phải là người dùng/người quản lý, nhân viên có tài kho			
Dien Kiéli naoc	trong hệ thống			
Điều kiện sau	Đã đăng nhập vào hệ thống			

2.4.2 Use case Sign up

Use case Sign up			
Mô tả	Người dùng đăng nhập vào hệ thống		
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng, admintrast	or	
	Hành vi tác nhân Hành vi hệ thống		
	1. Người dùng nhấn đăng ký	2. Hiển thị đăng kí	
	3. Nhập gmail và mật khẩu vào	4. Kiểm tra	
Luồng chính	form		
		5. Đăng ký thành công	
		6. Chuyển tới trang chủ	
	Người dùng nhập trùng tài khoản /	mật khẩu	
Luồng thay thế	5. Yêu cầu nhập lại		
	Quay lại bước 2		
Điều kiện trước			
Điều kiện sau			

2.4.3 Use case Sign out

Use case Sign out					
Mô tả	Người dùng đăng xuất khỏi l	Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống			
Tác nhân	Administrator , Người dùng				
Luồng chính	Hành vi của tác nhân Hành vi của hệ thống				
	1. Người dùng nhấn đăng 2.Đăng xuất thành công				
	xuất				
Luồng thay thế	Luồng thay thế				
Điều kiện trước	Đã đăng nhập vào hệ thống				
Điều kiện sau					

2.4.4 Use case Search item:

Use case Search item			
Mô tả	Người dùng tìm kiếm sản phẩm	Người dùng tìm kiếm sản phẩm	
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng, administrator		
	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống	
Luồng chính	1. Nhập tên sản phẩm cần tim	2. Hiển thị danh sách sản phẩm	
Luồng thay thế			
Điều kiện trước			
Điều kiện trước			

2.4.5. Use case Read item

Use case Read item				
Mô tả	Mô tả Người dùng xem thông tin sản phẩm			
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng, ad	lminstrator		
	Hành vi tác nhân	Hành vi hệ thống		
Luồng chính	 Người dùng chọn 	2. Hiển thị thông tin		
	sản phẩm	sản phẩm		
Luồng thay thế				
Điều kiện trước				
Điều kiện sau				

2.4.6 Use case View bill

Use case view bill			
Mô tả	Mô tả Người dùng xem thông tin đơn hàn		
Tác nhân	Administrator. Khách hàng		
	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ	
τ λ 1/1		thống	
Luồng chính	1.Người dùng chọn xem thông	2. Hiển thị thông tin	
	tin đơn hàng	đơn hàng	
Luồng thay thế			
Điều kiện trước	Đã đăng nhập vào hệ thống		
Điều kiện sau			

2.4.7 Use case Make purchase

Use case Make purchase				
Mô tả	Người dùng thực hiện mua hàng			
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng, administrat	or		
Luồng chính	Hành vi của tác nhân	Hành vi của hệ thống		
	1. Người dùng chọn giỏ hàng 2. Hiển thị giỏ hàng			
	3. Chọn thanh toán 4. Hiển thị thông tin			
	5. Nhập thông tin			
	6. Xác nhận 7. Thực hiện mua hàng thành công			
Luồng thay thế				
Điều kiện trước	Đã thêm các sản phẩm muốn mua vào giỏ hàng			
Điều kiện sau				

2.4.8 Use case CRUD items:

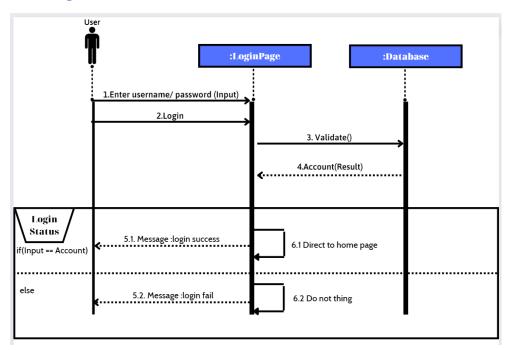
Use case CRUD items			
Mô tả	Người dùng quản lí sản phẩm		
Tác nhân	Nhân viên, administrator		
	1.Người dùng chọn mục quản lí sản phẩm	2.Hiện thị form quản lí sản phẩm	
	3.Người dùng chọn tác vụ	4.Hiển thị form	
Luồng chính	thêm/xóa/sửa sản phẩm	tác vụ	
	5.Ngưởi dùng nhập thông tin	6.Kiểm tra thông	
		tin	
		7. Lưu vào CSDL	
I à a a 41a azz 41a â	Thông tin không hợp lệ		
Luồng thay thế	7.Hiển thị thông báo		
	Quay lại bước 4		
Điều kiện trước	Đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản nhân viên		
Điều kiện sau			

2.4.9. Use case Check inventory.

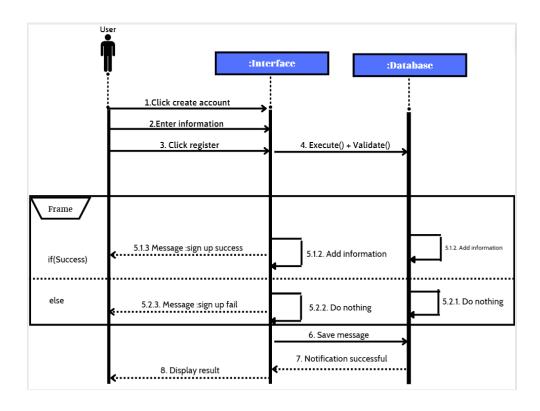
Use case Check inventory			
Mô tả	Người dùng đăng nhập hệ	thống	
Tác nhân	Nhân viên, adminstrator		
	Hành vi tác nhân Hành vi hệ thống		
Luồng chính	1. Người dùng chọn	2. Hiển thị thông tin	
Luong chilin	mục quản lý kho	sản phẩm cùng số	
		lượng tồn kho	
Luồng thay thế			
Điều kiện trước	Đăng nhập vào hệ thống b	àng tài khoản của nhân	
Dieu kiện trước	viên		
Điều kiện sau			

CHƯƠNG 3. MÔ HÌNH TUẦN TỰ

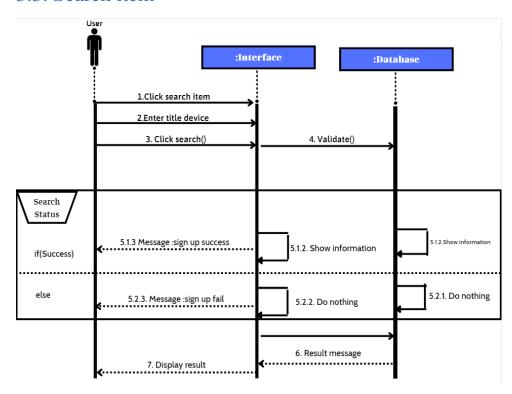
3.1. Sign in



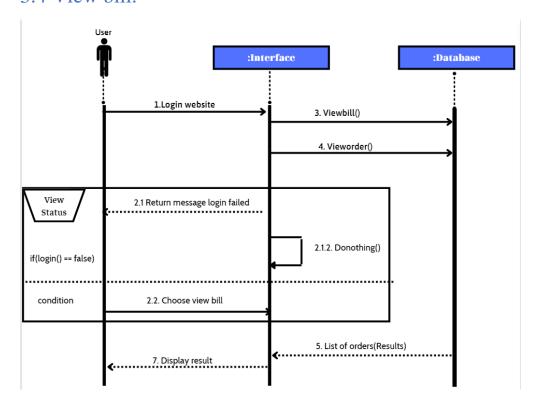
3.2 Sign up



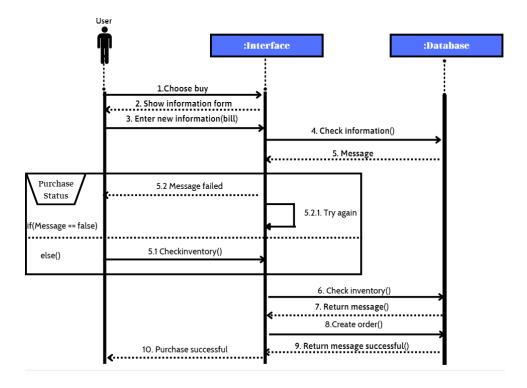
3.3. Search item



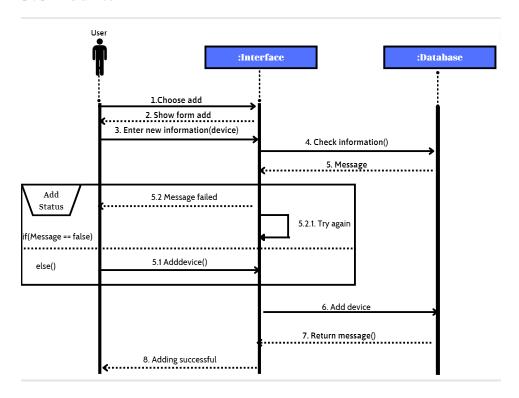
3.4 View bill.



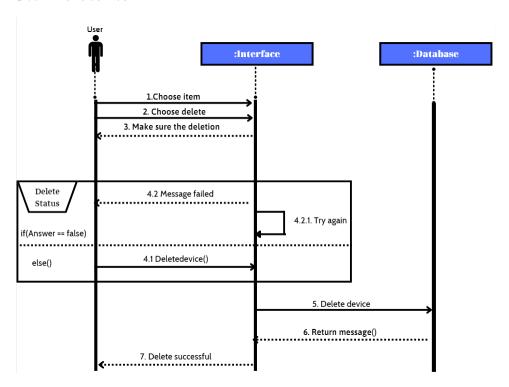
3.5. Make purchase



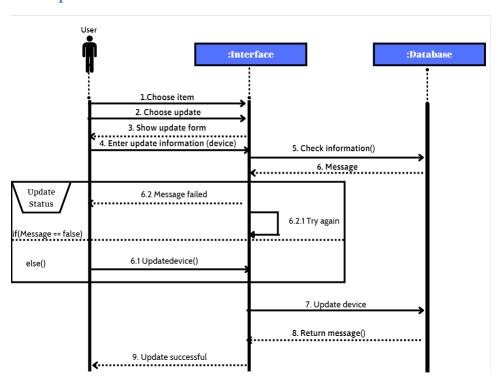
3.6 Add item



3.7 Delete item

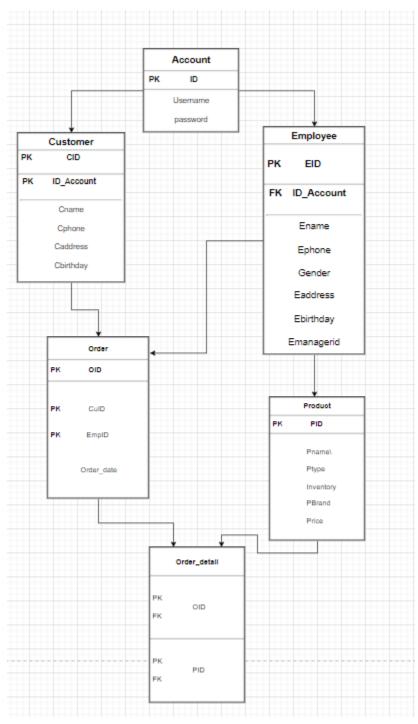


3.8 Update item



CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ DỮ LIỆU

4.1 Sơ đồ logic



4.2. Mô tả chi tiết các thành phần trong sơ đồ logic

STT	Tên bảng	Giải thích
1	Customer	Lưu trữ thông tin khách hàng
2	Employee	Lưu trữ thông tin nhân viên
3	Order	Lưu trữ thông tin đơn hàng
4	Order_detail	Chi tiết thông tin đơn hàng
5	Product	Lưu trữ thông tin sản phẩm
6	Account	Lưu trữ tài khoản đăng nhập

4.2.1 Bång Customer

STT	Tên cột	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Diễn giải
1	CID	Number(5)	Khoá chính	ID khách hàng
2	ID_Account	Number(5)	Khóa ngoại	ID tài khoản, tham chiếu đến Account
3	Cname	Varchar2(55)		Tên khách hàng
4	Cphone	Varchar2(55)		SĐT
5	Caddress	Varchar2(55)		Địa chỉ
6	Cbirthday	Date		Ngày sinh

4.2.2 Bång Employee

STT	Tên cột	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Giải thích
1	EID	Number(5)	Khóa chính	ID nhân viên

2	ID_Account	Number(5)	Khóa ngoại	ID tài khoản, tham chiếu đến Account
3	Ename	Varchar2(55)		Tên nhân viên
4	Ephone	Varchar2(55)		SĐT
5	Eaddress	Varchar2(55)		Địa chỉ
6	Ebirthday	Date		Ngày sinh
7	Emanageid	Number(5)		ID cấp trên

4.2.3 Bång order

STT	Tên cột	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Giải thích
1	OID	Number(8)	Khóa chính	ID đơn
2	CusID	Number(5)	Khóa ngoại	Tham chiếu đến Customer
3	EmpID	Number(5)	Khóa	Tham chiếu đến Employee
4	Order_date	Date		Ngày đặt hàng

4.2.4 Bång Order_detail

STT	Tên cột	Kiểu dữ	Ràng buộc	Giải thích
		liệu		
1	OID	Number(8)	Khóa	Tham chiếu
			ngoại,Khóa	đến Order
			chính	
2	PID	Varchar2	Khóa	Tham chiếu
			ngoại,Khóa	đến Product
			chính	

3	Quantity	Number(9)	Số lượng sản phẩm
4	Amount	Number(12)	Tổng tiền

4.2.5 Bång Product

STT	Tên cột	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Giải thích
1	PID	Varchar2(55)	Khóa chính	ID sản phẩm
2	Pname	Varchar2(55)		Tên sản phẩm
3	Ptype	Varchar2(10)		Loại sản phẩm
4	Inventory	Number(8)		Số lượng tồn
	-			kho
5	Pbrand	Varchar2(10)		Thương hiệu
6	Price	Number(12)		Giá tiền

4.2.6 Bång Account

STT	Tên cột	Kiểu dữ	Ràng buộc	Giải thích
		liệu		
1	ID	Number(5)	Khóa chính	ID tài khoản
2	username	Varchar2(55)		Tên tài khoản
				(email)
3	password	Varchar2(55)		Mật khẩu

CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ GIAO DIỆN

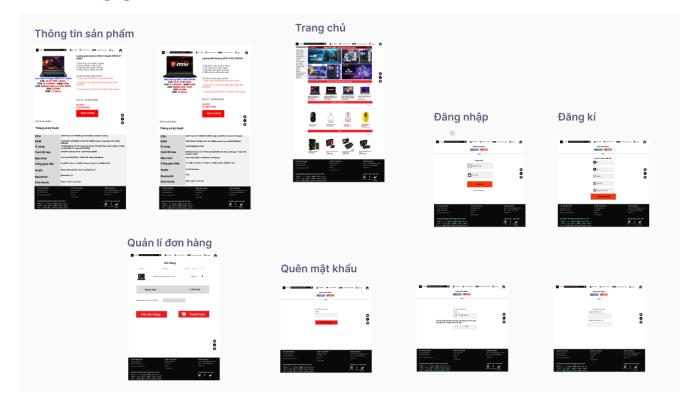
5.1 Danh sách màn hình

STT	Tên màn hình	Loại màn hình	Chức năng
1	Trang chủ	Màn hình chính,	Hiển thị thông tin, tình
		màn hình tra cứu	trạng danh sách sản
			phẩm
2	Đăng nhập	Nhập liệu	Cho phép user và
			admin đăng nhập
3	Đăng kí	Nhập liệu	Cho phép người dùng
			đăng kí tài khoản mới
4	Quên mật khẩu	Nhập liệu	Cho phép người dùng
			lấy lại mật khẩu bị
			quên

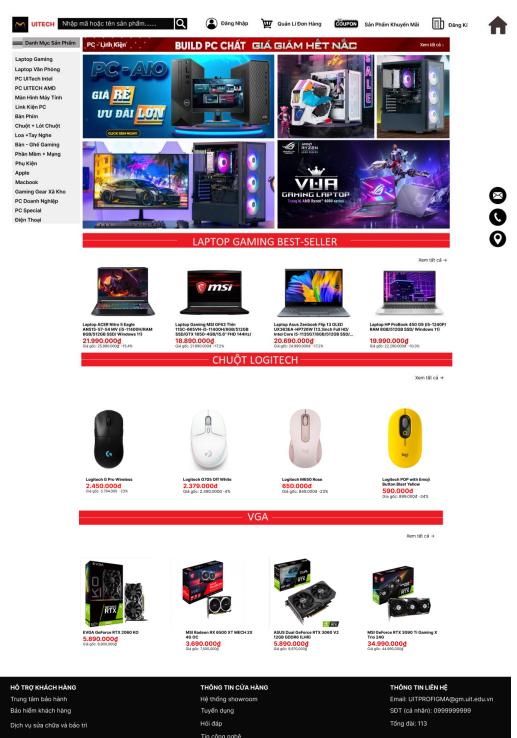
5	Thông tin sản phẩm	Báo biểu	Hiển thị thông tin, tình
			trạng sản phẩm
6	Giỏ hàng	Báo biểu	Hiển thị thông tin của
			giỏ hàng, cho phép
			thanh toán hoặc hủy
			sản phẩm đã chọn

5.2 Giao diện các màn hình

5.2.1 Tổng quan

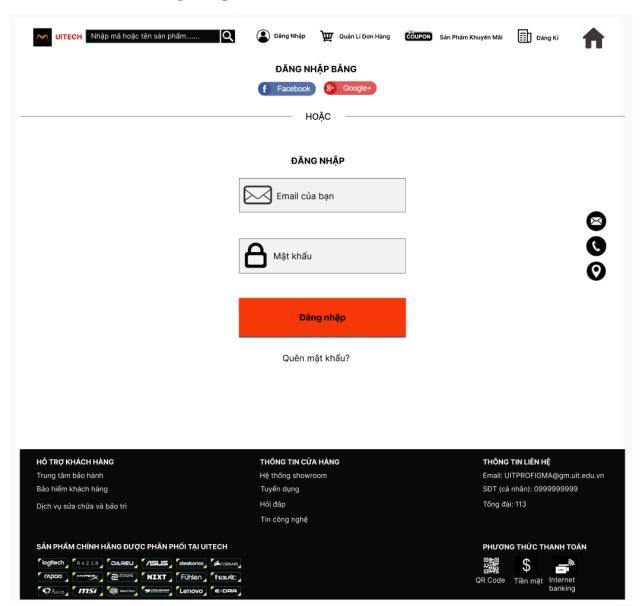


5.2.2 Trang chủ

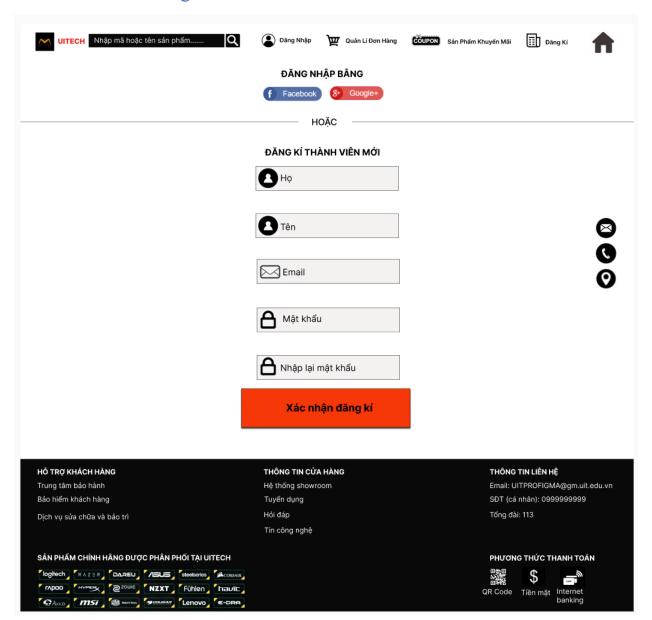




5.2.3 Màn hình đăng nhập

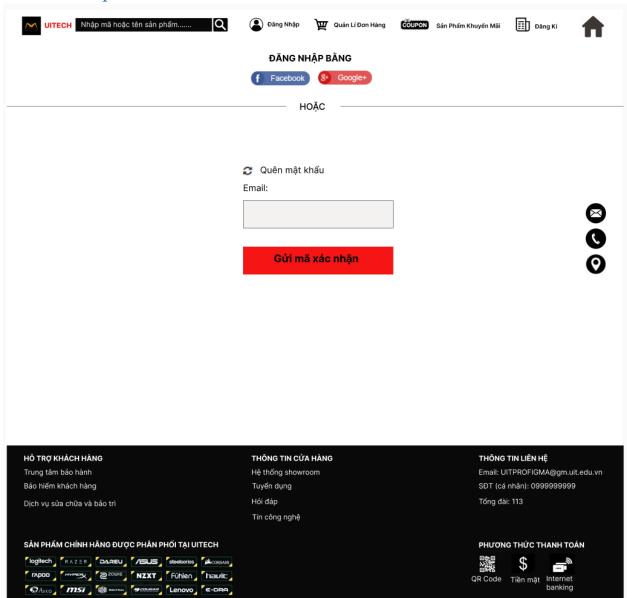


5.2.4 Màn hình đăng kí

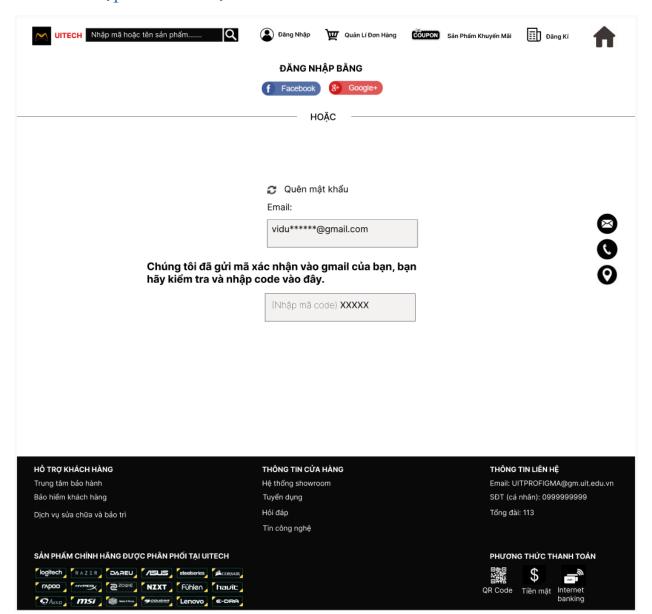


5.2.5 Màn hình quên mật khẩu

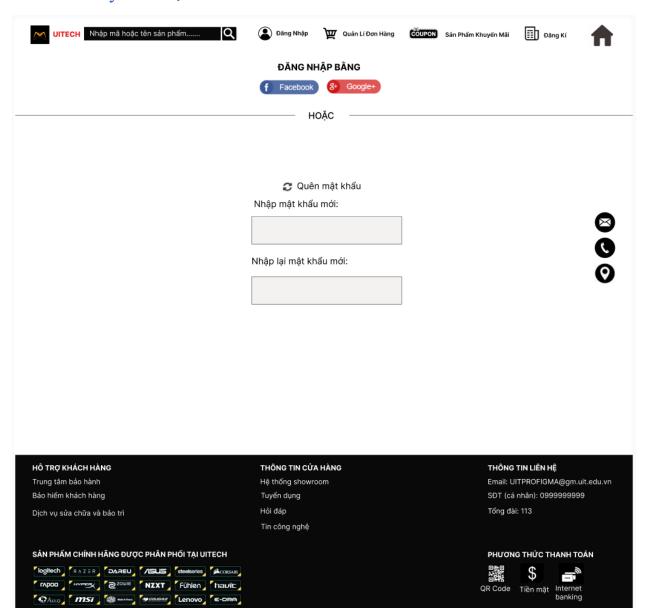
5.2.5.1 Nhập email nhận mã xác nhận



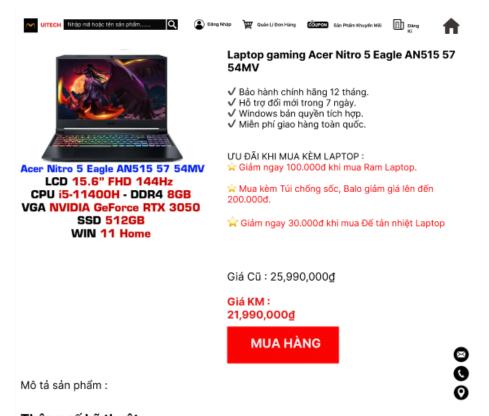
5.2.4.2 Nhập mã xác nhận



5.2.4.3 Thay đổi mật khẩu

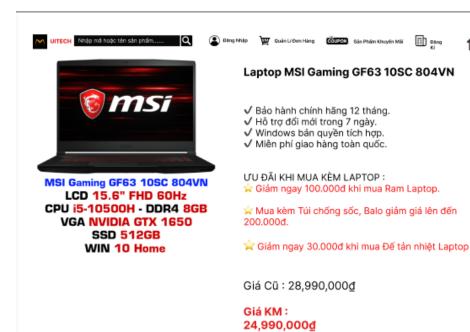


5.2.5 Thông tin sản phẩm



Thông số kỹ thuật





Mô tả sản phẩm:

CPU



MUA HÀNG

Intel® Core i5-10500H 2.50GHz upto 4.50GHz, 6 cores 12 threads

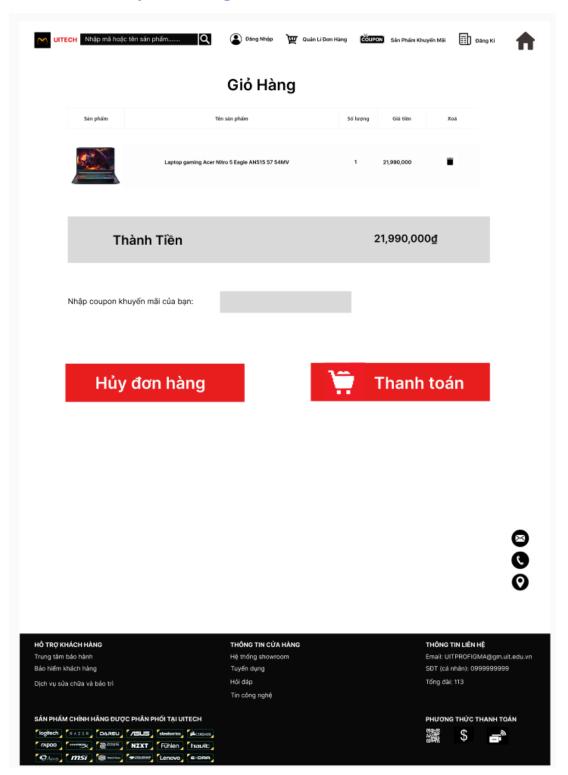
Thông số kỹ thuật

CFU	
RAM	8GB DDR4 3200MHz (2x SO-DIMM socket, up to 64GB SDRAM)
ổ cứng	512GB <u>SSD</u> M.2 PCIE
Card đồ họa	NVIDIA GeForce GTX 1650 4GB GDDR6 with Max-Q Design + Intel UHD Graphics 630
Màn hình	15.6" FHD (1920 × 1080) IPS, Thin Bezel
Cổng giao tiếp	3x USB, 3.2 Gen1 , 1x Type-C , USB3.2 Gen1, HDMI RJ-45
Audio	2× 2W Speaker
Bluetooth	v5.0
Kích thước	359 × 254 × 21.7 mm



5.2.6 Quản lý đơn hàng

Thanh toán/Hủy đơn hàng



CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN

6.1 Môi trường phát triển và môi trường triển khai

STT	Tên yêu cầu	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
1	Đăng nhập	100%	
2	Đăng ký	100%	
3	Đăng xuất	100%	
4	Danh sách sản phẩm	100%	
5	Thông tin sản phẩm	100%	
6	Phiếu bán hàng	100%	

6.2 Kết quả đạt được

6.2.1 Ưu điểm

- * Độ tin cậy: Hệ thống được lập trình để kiểm tra thông tin dữ liệu nhập vào và cho phép tự đội đối chiếu, các dữ liệu được ghi lại có sự chênh lệch, thông báo các dữ liệu xung đột để có hướng giải quyết.
- * Tính bảo mật: Hệ thống bảo mật hoạt động trên từng tài khoản độc lập, cho phép khóa tác vụ nếu có hành vi sử dụng không đúng mục đích.
- * Dễ sử dụng: Chương trình cho phép người dùng thao tác dễ dàng, dễ tiếp cận với những người mới và quản lí có tính tổ chức.
- -Website được lập trình cho phép truy cập được trên mọi máy tính, nhiều nền tảng như MacOS, Windows, IOS,..... giúp dễ dàng xây dựng một hệ sinh thái cần thiết để phát triển cửa hàng.

6.2.2 Nhược điểm

- * Database của hệ thống vẫn chưa được hoàn thiện, thông tin dữ liệu thỉnh thoảng vẫn bị trùng lập và bị mất trong quá trình phân tích.
- * Phần lớp được tập trung vào giao diện, cũng như cách thiết kế dẫn đến vẫn còn nhiều lỗi nếu có lượng lớn người dùng truy cập cùng lúc.
- + Cần nâng cấp hệ thông Database, nâng cấp server.

+ Chức năng chăm sóc khách hàng vẫn chưa hoàn thiện, chính sách bảo hành vẫn còn nhiều bất cập.

6.3 Hướng phát triển

- Tối ưu hóa khả năng truy cập mượt mà trên nền tảng MacOs và Windows.
- Cải thiện khả năng sử lí dữ liệu người dùng như (Thuật toán thống kê, Xác suất bằng Excel....)
- Cải thiện chức năng nhập và xuất dữ liệu người dùng (In hóa đơn, tạo QR code, báo cáo trạng thái đơn hàng...)
- Cải thiện chức năng thanh toán online một cách dễ dàng (qua ví MOMO, Visa, Thẻ tín dụng...)
- Cải thiện hệ thống quản lí hàng tồn kho, quản lí bãi.
- Cải thiện nguồn cung cấp, có hóa đơn rõ ràng, nguồn gốc chuẩn chính hãng.
- Nâng cấp hệ thống database cho phép lượng lớn người dùng truy cập cùng lúc.
- Cải thiện hệ thống phân tích và đánh giá nhằm đưa ra các chương trình ưu đãi hấp dẫn, thu hút mua sắm và nâng cao tính cạnh tranh.

6.4 Bảng phân chia công việc

STT	TÊN	MSSV	CÔNG VIỆC
1	Ngô Bá Trọng Nghĩa	20521653	Code Fe, viết báo cáo,
			figma, vẽ diagran
2	Đồng Phúc Nhẫn	20521694	Viết báo cáo, tìm tài liệu
			tham khảo, figma
3	Nguyễn Thanh Bình	20522136	Figma, viết báo cáo, vẽ
			diagram
4	Phạm Phước Tỷ	20521118	Figma, viết báo cáo, vẽ
			diagram